TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2026/HNGĐ - ST
Ngày 27/01/2026
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Mạnh.
2. Ông Hà Công Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai *tham gia phiên tòa*: Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04/11/2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026; thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 13/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1998.
Số định danh cá nhân: 015198……
Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh **Hoàng Anh T** , sinh năm 1996.
Số định danh cá nhân: 015096….
Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn B, xã C, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc, tiêu tán tài sản trong gia đình, đánh đập chị nhiều lần gây ảnh hưởng đến cuộc sống của chị. Từ năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Anh T. Về con chung: Chị N và

anh T có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 29/7/2017, ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N là công nhân giao nộp bảng lương các tháng 7, 8, 9, 10/2025 với thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 13.700.000 đồng /01 tháng. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng A T không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với Bí thư Thôn B, xã C thể hiện: Chị Trần Thị N và anh Hoàng A T có đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T chung sống tại thôn B, xã C một thời gian, sau đó anh chị đi làm ăn xa, theo thông tin nắm bắt được biết anh chị có nhiều lần mẫu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn hay chơi cờ bạc, không lo lắng cho vợ con nên hai vợ chồng hay cãi nhau, còn mâu thuẫn cụ thể không nắm được vì chị N và anh T thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về. Về con chung chị N và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Việt A, sinh năm 2017. Hiện tại do chị N và anh T chưa ly hôn nên cháu Hoàng Việt A được gửi cho bà nội là bà N1 (mẹ đẻ anh T) chăm sóc. Chị N vẫn thường xuyên thăm con và đóng các khoản chi phí ăn học cho cháu Hoàng Việt A.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 29/7/2017 cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Hoàng Anh T; Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Việt A, anh Hoàng A T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí nguyên đơn chịu án phí, đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Anh T là bị đơn có nơi ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã C, tỉnh Lào Cai, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện việc không chấp hành nghĩa vụ tham gia tố tụng. Chị Trần Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị N và anh Hoàng Anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Hoàng Anh T tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Hoàng Anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị N trình bày sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống tại Thôn B, xã C, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc làm tiêu tán tài sản, đánh đập chị nhiều lần, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Hoàng A T có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 29/7/2017. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Thực tế, cháu Hoàng Việt A hiện được bà nội chăm sóc nhưng chị N vẫn thường xuyên thăm nom, trực tiếp đóng góp chi phí ăn học, sinh hoạt cho cháu; chị N có việc làm ổn định, thu nhập bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, việc giao cháu Hoàng Việt A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Hoàng Anh T .

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 29/7/2017. Anh Hoàng A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai Ký hiệu BLTU/25E số 0001708 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã Chấn Thịnh (UB xã Đại Lịch cũ Số 26 ngày 19/10/2016);
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh